

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn L; nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số D Marshall St B, Australia (Khối thịnh vượng chung Úc); vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là anh Trần Văn L trình bày:

Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận D, Hải Phòng. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng hơn từ tháng 12 năm 2023, anh L đi lao động tại Khối thịnh vượng chung Úc, chị T cùng con vẫn sinh sống ở quê (phường H, quận D). Từ thời điểm anh L đi lao động ở nước ngoài, mỗi khi liên lạc với nhau

thì vợ chồng xảy ra cãi vã do bất đồng với nhau về quan điểm sống, kinh tế. Không khí trong gia đình trở nên rất căng thẳng và nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không đạt kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh L đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh L được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Trần Mạnh T1, sinh ngày 04/10/2019 và Trần Đăng K, sinh ngày 11/01/2022. Ly hôn, anh L đề nghị giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Trần Mạnh T1, sinh ngày 04/10/2019 và Trần Đăng K, sinh ngày 11/01/2022. Ly hôn, chị T đề nghị giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với chị Bùi Thị T. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Nguyên đơn là anh Trần Văn L hiện đang ở Khối thịnh vượng chung Úc, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng; bị đơn là chị Bùi Thị T hiện có nơi cư trú tại thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn là anh Trần Văn L và bị đơn là chị Bùi Thị T vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng

mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2016. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh L và chị Bùi Thị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế. Nay cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L về việc xin ly hôn với chị Bùi Thị T.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T 02 con chung là Trần Mạnh T1, sinh ngày 04/10/2019 và Trần Đăng K, sinh ngày 11/01/2022. Ly hôn, chị T và anh L đề nghị giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy anh L hiện đang ở nước ngoài, hai con chung hiện đang ở với chị T, chị T vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy các con. Do đó, việc anh chị yêu cầu giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đã được Tòa án giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con tuy nhiên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy chị T có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, việc chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng là tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh L và chị T có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh chị có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L được ly hôn chị Bùi Thị T.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Mạnh T1, sinh ngày 04/10/2019 và Trần Đăng K, sinh ngày 11/01/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn L và chị Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000891 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng

Nguyễn Thị Luyện

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà